

Số: /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; phục vụ hoạt động chung; máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1779/TTr-STC ngày 27 tháng 8 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; phục vụ hoạt động chung; máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình; gồm:

- Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh;
- Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung;
- Máy móc, thiết bị chuyên dùng.

2. Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm d, điểm e khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; gồm:

- a) Cơ quan chuyên môn;
- b) Tổ chức hành chính khác;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; phục vụ hoạt động chung; máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã, trong các trường hợp sau:

- Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao;

- Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ phục vụ hoạt động chung.

a) Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã, trong các trường hợp sau:

- Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao;

- Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

b) Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

a) Máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo:

- Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

- Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát để thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác ngoài máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Trong trường hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng mới. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam;

b) Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo) thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định;

c) Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo) thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định;

d) Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

đ) Quyết định số 37/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định phân cấp thẩm quyền ban hành, phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định;

e) Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
 - Cục KTraVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
 - Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, VP12, VP5.
- ĐTT_VP5_QPPL₀₁

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng